

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản
thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND tỉnh đối với 02 mỏ cát
tại xã Thiệu Quang và xã Hoàng Giang, tỉnh Thanh Hóa**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Địa chất và Khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Nghị quyết 66.4/2025/NQ-CP ngày 21/9/2025 của Chính phủ về việc ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm tháo gỡ khó khăn trong triển khai Luật Địa chất và khoáng sản năm 2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 1504/TTr-SNNMT ngày 08/12/2026; Công văn số 111/SNNMT-ĐCKS ngày 06/01/2026 (kèm theo ý kiến tham gia của các sở, ngành, đơn vị liên quan).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt 02 khu vực mỏ cát làm vật liệu xây dựng thông thường là khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản để phục vụ thi công các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 về việc bổ sung khoản 1a tại Điều 55 của Luật Địa chất và Khoáng sản, gồm có:

- 01 mỏ cát tại xã Thiệu Quang: Diện tích 13,5 ha.
- 01 mỏ cát tại xã Hoàng Giang: Diện tích 15,8 ha.

(Có phụ lục các khu vực mỏ kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan khác về tính chính xác, tính pháp lý của nội dung tham mưu, thẩm định theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện đăng tải công khai nội dung khoanh định khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại Điều 1 của Quyết định này trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị và UBND các xã, phường có liên quan, tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với khu vực khoáng sản nêu trên để cung cấp cho các công trình, dự án, nhiệm vụ quy định tại điểm b khoản 17 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025; trong đó thực hiện đầy đủ các trình tự, thủ tục lựa chọn đơn vị thăm dò, khai thác khoáng sản khu vực mỏ trên, đảm bảo công khai, minh bạch, theo đúng quy định của pháp luật.

- UBND xã Thiệu Quang, UBND xã Hoàng Giang có trách nhiệm phối hợp, bảo đảm cho việc triển khai thực hiện cấp phép hoạt động khoáng sản đối với khu vực đã được khoanh định không đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo đúng hiện trạng đã phê duyệt; thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; Chủ tịch UBND các xã: Thiệu Quang, Hoàng Giang; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Thanh Hóa;
- Lưu: VT, CN (T01.35).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Cao Văn Cường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA**

**DANH MỤC KHU VỰC KHOANH ĐỊNH
KHÔNG ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**
(Phụ lục kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____ tháng _____ năm 2026
của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Địa danh, vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Loại khoáng sản	Tọa độ hệ VN 2000 múi chiếu 3 ⁰	Tiêu chí khoanh định khu vực không đấu giá
1	Xã Thiệu Quang	13,5 ha	Cát làm vật liệu xây dựng	2206 783.35; 579 830.88 2206 797.12; 579 948.72 2206 427.37; 580 046.84 2206 260.00; 580 046.90 2206 169.88; 580 060.68 2205 994.34; 580 126.21 2205 885.27; 580 155.62 2205 614.87; 580 155.53 2205 609.55; 580 027.92 2206 149.76; 579 994.16 2206 310.89; 579 966.55 2206 421.53; 579 926.87 2206 602.77; 579 876.81	Khoản 26 Điều 1 Luật số 147/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và Khoáng sản
2	Xã Hoằng Giang	15,8	Cát làm vật liệu xây dựng	2203 527.52; 579 079.39 2203 538.71; 579 296.73 2203 307.83; 579 287.75 2202 742.38; 579 402.54 2202 722.47; 579 211.87 2202 905.27; 579 131.43 2203 150.12; 579 135.42 2203 336.66; 579 129.25	